TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2024/HS-ST
Ngày: 11/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Lộc

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc*** tham gia phiên tòa: Ông Sơn Thái Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn Đ**, sinh ngày 23/3/1994 tại T, Hà Nội. ĐKTT: Xóm C, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1967 và bà Lê Thị L, sinh năm 1970; Vợ: Lê Thị V, sinh năm 1995; Con: 01 người, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2023 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bị hại:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:* Ông **Phạm Văn T1**, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/6/2023, Nguyễn Văn T vay của Phạm Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức vay tiền góp, lãi suất 20%/tháng không có hợp đồng vay,

không có tài sản thế chấp. Mỗi ngày T phải trả cho Đ số tiền gốc và lãi là 400.000 đồng, thời hạn góp là 30 ngày. Mỗi lần Đ cho T vay 10.000.000 đồng sẽ lấy tiền phí cho vay 400.000 đồng nên số tiền T thực tế nhận là 9.600.000 đồng. Từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023, T vay tiền của Đ 04 lần, trong đó 03 lần đầu đã trả đủ tiền lãi và tiền gốc, đến lần thứ tư T vay của Đ từ ngày 01/9/2023 đến ngày 13/9/2023 thì T không còn khả năng trả tiền cho Đ. Đến khoảng 16 giờ ngày 27/9/2023, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 29E2 - 099.58 chở Phạm Văn T1 đi đến nhà T tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để đòi số tiền T còn nợ. Khoảng 17 giờ 35 phút cùng ngày, Đ và T1 chạy xe đến nhà T, Đ đi vào trong nhà còn T1 ngồi ngoài xe mô tô đợi. Khi vào nhà thấy T đang nằm võng, Đ hỏi Thái tiền nợ đâu, T trả lời chưa có và hẹn vài ngày sau sẽ trả thì Đ dùng tay trái nắm tóc của T, chửi và đòi đánh T, lúc này Đ nhìn thấy trong túi áo T đang mặc có số tiền 1.000.000 đồng (02 tờ tiền Polime, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng), ngay lập tức Đ dùng tay phải lấy 02 tờ tiền 1.000.000 đồng của T, cất vào túi quần Đ đang mặc, do lo sợ nên T không dám chống cự lại, Đ đi ra xe mô tô chở T1 đi về. T điện thoại trình báo đến cơ quan Công an nên khi Đ chạy xe đi được khoảng 300 mét thì bị Công an bắt quả tang. Ngày 03/10/2023, Phạm Văn Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P, khởi tố, tạm giam để điều tra.

*** Tang vật thu giữ:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh, số máy: A2643, số sê-ri: MTVW344DR9, đã qua sử dụng;
- 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đen, biển số 29E2 – 099.58, số khung: 580XEV848562, số máy: JF58E0848601, đã qua sử dụng;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 028736, tên chủ xe L1, còn nguyên vẹn;
- 01 nón bảo hiểm màu trắng, loại nón lưỡi trai, đã qua sử dụng;
- 01 cái áo mưa màu vàng, bằng nilon, đã bị rách.
- Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSPQ ngày 29/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt cho bị cáo từ 18 tháng đến 24

tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã bồi thường cho bị hại tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe môtô và 01 giấy đăng ký xe của bị cáo. Tịch thu tiêu huỷ 01 nón bảo hiểm và 01 áo mưa của bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì đối với bản cáo trạng của Viện kiểm sát, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã công bố và không tranh luận gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc.

Người bị hại ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt, cho rằng bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng nay không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo ăn năn hối cải mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đã tuân thủ nghiêm các quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ:

a) Bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 17 giờ 35 phút, ngày 27/9/2023, bị cáo đi đến nhà Nguyễn Văn T tại ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để đòi nợ. Khi đến nhà T, do T chưa có tiền trả nợ nên bị cáo nắm tóc, chửi bới và đe dọa đánh T. Lúc này nhìn thấy trong túi áo T đang mặc có số tiền 1.000.000 đồng nên bị cáo

dùng tay lấy số tiền trên rồi bỏ đi, T điện thoại trình báo cơ quan Công an, ngay sau đó thì bị cáo bị bắt giữ.

c) Vật chứng thu giữ gồm: Điện thoại di động, xe môtô, giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, nón bảo hiểm, áo mưa và tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng.

d) Qua lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng Phạm Văn T1 và trích xuất dữ liệu camera tại nhà của bị hại xác định bị cáo đã chửi mắng đe doạ, nắm tóc và dùng tay lấy trong túi của bị hại số tiền 1.000.000 đồng.

Từ các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận định lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản là tiền của bị hại thông qua việc dùng vũ lực làm cho bị hại lo lắng, sợ hãi không thể chống cự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đã truy tố bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại 50.000.000 đồng, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ nên được xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự làm tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS lại không có tình tiết tăng nặng nên áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS, xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ nghiêm.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội củ bị cáo:

Mặc dù bị hại có nợ tiền của bị cáo nhưng bị cáo có thể giải quyết việc vay nợ thông qua việc kiện vụ án dân sự. Nhưng bị cáo đã dùng vụ lực bằng cách vừa nắm tóc vừa chửi mắng đe doạ bị hại làm cho bị hại lo sợ rơi vào tình trạng không thể chống cự rồi tự lấy 1.000.000 đồng của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát:

Tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và trách nhiệm dân sự mà vị đại

diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về yêu cầu của bị hại:

Bị hại Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt nhưng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho rằng bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng, nay không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

[7] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng:

Vật chứng gồm điện thoại di động nhãn hiệu Apple của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

Tiền Việt Nam: 1.000.000 đồng của bị hại, đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

Vật chứng là nón bảo hiểm và áo mưa bị cáo dùng khi phạm tội nay không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

Riêng đối với xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Vision và giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 028736 do đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước theo Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với Phạm Văn T1: Khi đi theo bị cáo do bị cáo không nói với T1 là thu tiền nợ của ai, ở đâu. Khi đến nhà bị hại cũng chỉ ngồi ngoài xe đợi, không tham gia vào việc cướp tài sản cùng với bị cáo, cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố P không xử lý đối với Phạm Văn T1.

- Đối với hành vi cho vay của bị cáo: Qua điều tra xác định, số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 7.902.283 đồng, không đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự nên đã chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân thành phố P xử lý, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 148/QĐ-XPHC, ngày 15/01/2024.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn Đ** phạm tội *"Cướp tài sản"*.

2. Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 27/9/2023.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và bị cáo đã bồi thường tổn thất tinh thần xong, nay bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm

nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 13 Promax, màu xanh, số máy: A2643, số sê-ri: MTVW344DR9, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 nón bảo hiểm màu trắng, loại nón lưỡi trai, đã qua sử dụng và 01 cái áo mưa màu vàng, bằng nilon, đã bị rách.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đen, biển số 29E2 – 099.58, số khung: 580XEV848562, số máy: JF58E0848601, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028736, tên chủ xe L1 H, còn nguyên vẹn.

(Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 29/QĐ-VKSPQ ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- CQTHAHS Tp. Phú Quốc;
- THA Tp. Phú Quốc;
- CQCSĐT-CA Tp. Phú Quốc;
- Bị cáo;
- Bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trang

- Lưu hồ sơ vụ án.